

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42a/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/8/2022

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuyên.

2. Ông Lê Sơn Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:

Ông Trương Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 444/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

Bị đơn: **Anh Phạm Văn L**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn B, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

(Có mặt chị T, anh L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/6/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2014 tại trụ sở UBND xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị về sống cùng anh L và con riêng của anh L tại thôn B, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu đến 2 -3 giờ sáng mới về, khi về nhà lại đánh, đuổi chị ra khỏi nhà, bắt chị quỳ và xin mới được vào nhà. Chị đã cho anh L thời gian 02 năm để thay đổi nhưng không thành, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng nên chị và các con chung đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ của chị ở T, Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang từ tháng 5/2022. Chị và anh L sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh L có đến xin lỗi để đón chị về đoàn tụ, nhưng chị không đồng ý vì anh L là người nát rượu, chỉ cần có gì không vừa ý là sẵn sàng đánh vợ. Ngày 08/7/2022 khi chị đến Tòa án nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí anh L đã đi theo và chửi bới, dọa đánh chị ngay tại tòa khiến chị rất căng thẳng và lo sợ nên tại các buổi làm việc tiếp theo chị đều phải nhờ cả bố mẹ và anh chị của chị đi cùng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

-Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Phạm Thị T C, sinh ngày 03/4/2015 và Phạm Chiến M, sinh ngày 30/11/2017. Chị và hai con chung đang sống cùng bố mẹ chị ở T, Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đang làm công nhân của công ty TNHH SANSHO và bán hàng online, tổng thu nhập bình quân hàng tháng là 19.000.000 đồng. Nếu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng bố mẹ chị cam đoan tạo điều kiện cho mẹ con chị có chỗ ở ổn định và phụ giúp chị chăm sóc các con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2022 và các lời khai tiếp theo bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với ý kiến trình bày của chị T về thời gian, điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn do mỗi khi anh uống rượu về, chị T lại nói nhiều nên vợ chồng cãi vã đánh chửi nhau. Anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hòa giải nhưng không thành nên chị T đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ từ tháng 6/2022, vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân anh đã

đến gặp để đón chị T về đoàn tụ nhưng không thành. Anh cam đoan sẽ thay đổi, từ bỏ rượu bia, tu chí làm ăn nuôi vợ con nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Phạm Thị T C, sinh ngày 03/4/2015 và Phạm Chiến M, sinh ngày 30/11/2017. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, vay nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh L vẫn mong muốn chị T nghỉ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Trường hợp anh chị ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi cả hai con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công sức, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án, giao thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ và đúng quy định pháp luật; Vụ án được giải quyết đúng thời hạn; Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, phiên tòa diễn ra đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35, 39 và khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015, nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T

1. Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L

2. Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà đất, công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn L cư trú tại: Thôn B, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2014 tại trụ sở UBND xã Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 19/02/2014 của UBND xã Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội) nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L không đồng ý ly hôn và cam đoan sẽ từ bỏ rượu, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị đoàn tụ. Xét yêu cầu của anh chị Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án anh L không đồng ý ly hôn và đã có những cam kết, việc làm nhất định để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Qua xác minh tại chính quyền cũng như trình bày của đương sự được biết: Vợ chồng anh chị đã không còn tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng trong 02 năm nay quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Đồng thời chị T có lời khai thể hiện: Chị đã nhiều lần

về nhà nhưng phải đứng ngoài vì không có chìa khóa vào nhà. Chị đề nghị anh L cho chị chìa khóa nhà nhưng anh L không đồng ý vì anh luôn đề phòng chị, sợ chị về nhà lấy cắp tài sản. Chị cho rằng vợ chồng chung sống mà không có lòng tin, luôn phải đề phòng lẫn nhau thì hôn nhân không thể hạnh phúc, do đó chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng. Đến nay anh chị vẫn sống mỗi người một nơi. Như vậy có thể thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Thị T C, sinh ngày 03/4/2015 và Phạm Chiến M, sinh ngày 30/11/2017. Ly hôn chị T, anh L đều thống nhất giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Phạm Thị T C đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng chị T. Chị T hiện có công việc, có thu nhập và chỗ ở và ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Xét nguyện vọng của con chung cũng như sự thỏa thuận của các bên đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của chị T, anh L giao cả hai con chung là Phạm Thị T C và Phạm Chiến M cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng cho con: Chị T, anh L không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Xác định chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L có hai con chung là Phạm Thị T C, sinh ngày 03/4/2015 và Phạm Chiến M, sinh ngày 30/11/2017. Giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế.

Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết cấp dưỡng cho con trong vụ án này.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung: Chị T, anh L không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0005175 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T, anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sóc Sơn, Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn, Hà Nội;
- UBND xã Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội;
- L: Văn Phòng, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN _ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Hải